TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 25-6-2019
"V/v Tranh chấp đòi quyền
sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Tấn
2. Ông Bùi Văn Trung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Duy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 25-6-2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST - DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Ngọc D – Chức vụ Chủ tịch (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Luật sư Vũ Văn Đảng, thuộc Văn phòng Luật sư Vũ Văn Đảng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1967, (có mặt)
2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1966, (có mặt)
3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1954, (có mặt)

Đều cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P:

Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1955, (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

1. Bà Lưu Thị T, sinh năm 1969, (có mặt)
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959, (có mặt)
3. Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1963 (có mặt)

Đều cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông Chu Ngọc D trình bày: Vào ngày 07-12-2000, cơ sở Thôn N, xã H tổ chức cho người dân đấu thầu thuê sử dụng 1,6 sào (576m^2) đất nông nghiệp (đất trũng) tại xứ đồng vùng 1 thuộc Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Diện tích đất trên là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã H quản lý và sử dụng nhưng UBND xã H giao cho cơ sở Thôn N quản lý và sử dụng lấy nguồn thu cho hoạt động của thôn. Ông D là người trúng thầu, nội dung biên bản đấu thầu ngày 07-02-2000 nêu rõ thời hạn thuê để sử dụng đất là 14 năm, thanh toán tiền sử dụng đất một lần; người thuê chỉ được cấy lúa, thả cá, trồng cây thân mềm; không được lấy đất mang về; không được xây dựng nhà cấp 4 và nhà kiên cố; không được trồng cây thân cứng và mềm phía Tây, phía Nam; không được rào giậu phía Tây, phía Nam và phía Bắc để tiện cho việc đi lại.

Quá trình sử dụng đất Ông D đã lấn chiếm ra diện tích đất nông nghiệp xung quanh (gồm bờ ruộng, máng nước) cũng là đất nông nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã nên khi Tòa án tiến hành thẩm định thì diện tích thực tế Ông D sử dụng là 817,8m^2. Ngoài ra Ông D còn tự ý chuyển mục đích sử dụng đất như san lấp, xây nhà trông coi, xây chuồng trại chăn nuôi, làm sân bê tông, kè bờ ao, xây cổng, tường bao và trồng một số cây thân cứng trên diện tích đất thuê. Hết năm 2014 là hết hạn thuê đất, nhưng do Ông D không trả đất nên cơ sở Thôn N có thu tiền thuê đất của Ông D thêm một năm nữa.

Năm 2017 giữa cơ sở Thôn N với Ông D đã tiến hành thanh lý hợp đồng thuê đất nhưng Ông D không hợp tác, không chấp nhận thanh lý hợp đồng. UBND xã H đã nhiều lần mời Ông D lên UBND xã để làm việc, hòa giải để giải quyết vụ việc nhưng Ông D không hợp tác nên không hòa giải được. Vì vậy UBND xã H phải khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà buộc Ông D phải phá dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất và trả lại diện tích đất nông nghiệp hiện Ông D đang quản lý cho UBND xã H để UBND xã H quản lý và sử dụng theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Việc cơ sở Thôn N cho Ông D thuê diện tích đất trên từ năm 2000 đến năm 2015, UBND xã H không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình D trình bày: Vào ngày 07-12-2000 Thôn N, xã H có tổ chức cho nhân dân đấu thầu thuê sử dụng 1,6 sào đất nông nghiệp thùng vũng tại xứ đồng vùng 1 thuộc Thôn N, ông đã trúng thầu. Ông có ký vào "*Bản bản đấu thầu*" ngày 07-12-2000, quyền và nghĩa vụ của ông đã được ghi trong

"*Biên bản đấu thầu*" ngày 07-12-2000 là đúng, ông không có ý kiến gì về biên bản trên. Quá trình sử dụng đất từ khi trúng thầu đến năm 2015 giữa ông với Thôn N không xảy ra tranh chấp gì, ông đã nộp tiền thầu đất làm 02 lần, lần 1 ông đủ tiền thuê đất trong 14 năm cho ông trưởng Thôn N là ông Nguyễn Anh T, lần 2 ông nộp tiền thuê đất của năm 2015 là 500.000 đồng cho bà Nhàn là trưởng Thôn N. Sang năm 2016 cơ sở Thôn N có yêu cầu ông phải trả lại diện tích đất đã cho ông thuê để chia lô bán nhưng ông không đồng ý, vì vậy từ năm 2016 đến nay Thôn N không thu khoản tiền nào của ông. Quá trình sử dụng đất ông sử dụng lấn ra cả bờ ruộng, máng nước xung quanh nên diện tích đất thực tế ông sử dụng có tăng lên. Vợ chồng ông (vợ Ông D là bà Nguyễn Thị P) còn san lấp, xây nhà trông coi, xây chuồng trại chăn nuôi, làm sân bê tông, kè bờ ao, xây cổng, tường bao và trồng một số cây cối hoa màu trên đất, ông nhất trí với giá mà Hội đồng định giá tài sản huyện Hưng Hà đã định giá toàn bộ khối tài sản gắn liền với đất + trị giá khối lượng vợ chồng ông đã san lấp là 188.659.000 đồng (đã trừ trị giá quyền sử dụng đất).

Quan điểm của ông là tiếp tục được thuê diện tích đất đang có tranh chấp, gia đình ông sẽ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước. Còn nếu không được thuê nữa, ông yêu cầu bên thu hồi đất là UBND xã H phải bồi thường cho vợ chồng ông trị giá tài sản gắn liền với đất mà vợ chồng ông đã tạo lập và đã được Hội đồng định giá tài sản đã kết luận là trị giá 188.659.000 đồng (đã trừ trị giá quyền sử dụng đất).

Nếu UBND xã H không đáp ứng một trong hai yêu cầu trên của thì ông không trả lại diện tích đất đang có tranh chấp vì Thôn N và UBND xã H không có văn bản giao thầu chính thức với ông, chỉ có văn bản đấu thầu ngày 07-12-2000 của cơ sở Thôn N; văn bản đấu thầu trên không có thời gian kết thúc hợp đồng, đến nay giữa ông với địa phương không có văn bản thanh lý hợp đồng nào.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của UBND xã H trong việc quản lý đất đai thuộc thẩm quyền quản lý của mình để bảo đảm quyền lợi của Ông D.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Anh T trình bày: Ông được bầu làm trưởng Thôn N, xã H từ năm 1992 đến năm 2002. Sau khi chia ruộng cơ bản cho nhân dân trong thôn năm 1993, Thôn N, xã H có khoảng trên 07 mẫu đất công ích (còn gọi là đất công điền) do UBND xã H quản lý (thuộc 5% quỹ đất nông nghiệp để lại sau khi đã chia cho nhân dân trong thôn theo Quyết định 652 ngày 17-11-1993 và quyết định 948 ngày 25-9-2000 của UBND tỉnh Thái Bình). UBND xã H không trực tiếp quản lý sử dụng mà giao lại quỹ đất công điền nêu trên cho cơ sở Thôn N quản lý.

Năm 2000 Thôn N, xã H đã tổ chức cho người dân trong thôn đấu thầu sử dụng 1,6 sào (576m^2) đất nông nghiệp (đất trũng) thuộc quỹ đất công điền tại xứ đồng vùng 1 thuộc Thôn N, xã H để lấy tiền, một phần nộp cho UBND xã H, một phần cơ sở thôn giữ lại để kiến thiết cơ sở hạ tầng của thôn, ông Nguyễn Đình D đã trúng thầu. Theo biên bản đấu thầu ngày 07-12-2000 thì thời hạn thầu 14 năm, đến năm 2014 thì hết hạn; giá trúng thầu là 95kg thóc/sào (01 sào = 360m^2) thanh toán một lần sau khi trúng thầu; người trúng thầu chỉ được cấy lúa, thả cá, trồng cây thân mềm; không được lấy đất mang về; không được xây dựng nhà cấp 4 và nhà kiên cố; không được trồng cây thân cứng và mềm phía Tây, phía Nam; không được rào giậu phía Tây, phía Nam và phía Bắc để tiện cho việc đi lại. Ông D đã thanh toán đầy đủ tiền trúng thầu ngay khi trúng thầu. Quá trình sử dụng đất, Ông D đã lấn ra bờ ruộng, bờ máng xung quanh diện tích đất được giao thầu (diện tích đất bị lấn cũng là đất nông nghiệp do UBND xã H quản lý) nên diện tích đất Ông D sử dụng trên thực tế rộng hơn diện tích đất được giao thầu. Ông D còn tự ý san lấp, xây dựng nhà trông coi, chuồng trại chăn nuôi, xây tường bao, trồng cây lưu niên trên đất không được sự đồng ý của chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị N trình bày: Bà được bầu làm trưởng Thôn N, xã H từ tháng 6 năm 2013 đến đầu năm 2016 thì bà nghỉ trưởng thôn. Thời điểm bà tiếp quản làm trưởng Thôn N, xã H thì diện tích đất nông nghiệp 1,6 sào tại xứ đồng vùng 1 hiện đang có tranh chấp là đất công điền do ông Nguyễn Đình D đang quản lý dưới hình thức nhận thầu của thôn từ năm 2000, đến hết năm 2014 thì hết hạn thầu. Khi hết hạn thầu UBND xã H có yêu cầu cơ sở Thôn N không cho Ông D thầu nữa, bà có nói với Ông D là cơ sở Thôn N không cho thầu nữa nhưng Ông D vẫn tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất trên. Chuẩn bị hết khóa trưởng thôn của bà, bà có nói với Ông D là vì hết hạn thầu ruộng từ tháng 12-1014 nhưng Ông D vẫn sử dụng đất nên bà có thu của Ông D số tiền 500.000 đồng để nộp vào quỹ của thôn, bà thu tiền vào ngày 07-11-2015, đây là số tiền hoa lợi Ông D canh tác trên diện tích đất 1,6 sào trong năm 2015. Đến đầu năm 2016 bà nghỉ trưởng thôn, bà đã bàn giao công việc cho trưởng thôn mới.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Đức Q trình bày: Ông được bầu làm trưởng Thôn N, xã H từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 7 năm 2018 thì ông nghỉ trưởng thôn. Thời điểm ông tiếp quản làm trưởng Thôn N, xã H thì diện tích đất nông nghiệp 1,6 sào tại xứ đồng vùng 1, Thôn N hiện đang có tranh chấp là đất công điền do ông Nguyễn Văn Dần đang quản lý sử dụng dưới hình thức nhận thầu sử dụng từ trưởng thôn nhiệm kỳ trước. Đến khi ông làm trưởng thôn thì thời hạn thầu đã hết, UBND xã H yêu cầu Thôn N phải thu hồi diện tích đất nêu trên, ông đã nhiều lần yêu cầu Ông D phải thanh lý hợp đồng, trả lại diện tích đất đã thầu

nhưng Ông D không thanh lý hợp đồng, không trả lại đất. Thời kỳ ông làm trưởng thôn, cơ sở Thôn N không thu của Ông D bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến diện tích đất trên.

Tại phiên tòa, người làm chứng là ông Nguyễn Văn T, bà Lưu Thị T(chồng là Lê Văn Giáp) đều trình bày: Diện tích đất 1,6 sào đang có tranh chấp là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công điền thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã H, nhưng UBND xã H giao lại cho cơ sở Thôn N quản lý để cho nhân dân trong thôn thầu để canh tác. Vào ngày 07-12-2000 cơ sở Thôn N, xã H có tổ chức cho người dân đấu thầu công khai sử dụng 1,6 sào đất nêu trên. Tham gia đấu thầu công khai gồm: Ông Lê Văn Trường, ông Lê Văn Sáu, ông Nguyễn Đình D và gia đình hai ông bà. Mỗi người đặt cọc 200.000 đồng, bỏ thầu công khai, chênh lệch 5kg thóc là trúng thầu, thời hạn thầu ruộng là 14 năm. Sau khi bỏ thầu, ông Nguyễn Đình D đã trúng thầu với giá thầu là 95kg thóc/sào/năm. Ông và bà xác nhận nội dung Biên bản đầu thầu ngày 07-12-2000 được Tòa án công bố tại phiên tòa là đúng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xác định 817,8m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng vùng 1 thuộc Thôn N, xã H hiện đang do ông Nguyễn Đình D và bà Nguyễn Thị P quản lý sử dụng là quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích thuộc quyền quản lý sử dụng của UBND xã H. Buộc ông Nguyễn Đình D và bà Nguyễn Thị P phải trả cho UBND xã H quyền sử dụng 817,8m^2 đất nông nghiệp nêu trên. Buộc Ông D và bà Phao phải có trách nhiệm phá dỡ, di dời toàn bộ tài sản gắn liền với đất (Nhà trông coi, chuồng trại chăn nuôi, sân bê tông, kè bờ ao, cổng, tường bao và cây cối hoa màu trên đất).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: UBND xã H đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp tại Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Theo quy định của pháp luật thì trước khi khởi kiện vụ án phải được UBND xã H hòa giải, tuy nhiên UBND xã H chính là đương sự trong vụ án, đồng thời UBND xã H đã nhiều lần

yêu cầu Ông D lên UBND xã để hòa giải, giải quyết tranh chấp nhưng do Ông D không hợp tác nên không hòa giải được. Vì vậy Tòa án vẫn thụ lý vụ án mà không qua hòa giải ở địa phương.

[3] Về diện tích đất đang có tranh chấp và tài sản gắn liền với đất: Qua việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì diện tích đất đang có tranh chấp tại xứ đồng vùng 1, Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà hiện Ông D đang quản lý và sử dụng có diện tích là 817,8m^2. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và người làm chứng, có đủ cơ sở xác định trong diện tích đất trên có 576m^2 (tương đương 1,6 sào) thuộc quỹ đất công ích thuộc quyền quản lý và sử dụng của UBND xã H. Sau khi trúng thầu thuê quyền sử dụng đất, Ông D có lấn ra bờ ruộng, máng nước và lối đi xung quanh diện tích đất trên là 241,8m^2 (Ông D thừa nhận điều này), diện tích đất Ông D lấn thêm này cũng là đất nông nghiệp do UBND xã quản lý. Vì vậy cần xác định toàn bộ diện tích đất 817,8m^2 Ông D đang quản lý và sử dụng tại xứ đồng vùng 1, Thôn N đều là đất nông nghiệp thuộc quyền quản lý và sử dụng của UBND xã H. Quá trình sử dụng đất vợ chồng Ông D đã tự ý thay đổi mục đích sử dụng đất, đã san lấp, xây nhà trông coi, xây chuồng trại chăn nuôi, làm sân bê tông, kè bờ ao, xây cổng, tường bao và trồng một số cây lưu niên trên diện tích đất nông nghiệp nêu trên, toàn bộ tài sản gắn liền với đất nêu trên đã được Hội đồng định giá tài sản huyện Hưng Hà xác định trị trá **85.897.448** đồng; giá trị quyền sử dụng 817,8m^2 đất là **153.769.200** đồng (trong đó trị giá khối lượng đất mà vợ chồng Ông D đã san lấp là **64.499.700** đồng).

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Điều 45 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 14, Điều 15 của Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính Phủ thì diện tích đất nông nghiệp nêu trên thuộc quyền quản lý và sử dụng của UBND xã H, UBND xã H cho hộ gia đình, cá nhân thuê để sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, nhưng UBND xã H lại giao cho cơ sở Thôn N quản lý, sử dụng, và cơ sở Thôn N đã tổ chức đấu thầu cho thuê quyền sử dụng đất là không đúng thẩm quyền, không tuân thủ về hình thức của giao dịch. Tuy nhiên giao dịch đấu thầu cho thuê đất giữa ông Nguyễn Anh T (là trưởng Thôn N thời điểm năm 2000) với Ông D và việc bà Vũ Thị N (là trưởng Thôn N thời điểm năm 2015) thu tiền thuê đất của Ông D năm 2015 đã thực hiện xong trên cơ sở sự tự nguyện của các bên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự đều không có ý kiến, yêu cầu gì về các giao dịch trên, vì vậy Tòa án không xem xét tính chất pháp lý của các giao dịch đó.

Trong "*Biên bản đấu thầu*" ngày 07-12-2000 có nội dung "*… Như vậy Ông D được thầu 95kg/sào/số tiền 14 năm như sau: 14 năm x 95kg/sào x 1.400đ/kg x 1,6 sào = 2.979.2000 đ…"* được hiểu là thời hạn thuê đất là 14 năm (đến hết năm 2014 là hết hạn), điều này cũng phù hợp với lời khai của bà Lưu Thị Tuấn, ông

Nguyễn Văn T là những người tham gia buổi đấu thầu nhưng không trúng thầu, mặt khác chính Ông D cũng đang yêu cầu được tiếp tục thuê đất. Ông D cho rằng trong "*Biên bản đấu thầu*" nêu trên không có thời gian kết thúc hợp đồng là không đúng. Đến nay thời hạn thuê đất của Ông D đã hết nhưng Ông D không trả lại quyền sử dụng đất theo yêu cầu của chính quyền địa phương, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND xã H, buộc vợ chồng Ông D phải trả cho UBND xã H quyền sử dụng 817,8m^2 đất nông nghiệp hiện vợ chồng Ông D đang quản lý tại xứ đồng vùng 1, Thôn N, xã H là có căn cứ.

[5] Về tài sản gắn liền với diện tích đất đang có tranh chấp: Như nhận định ở trên, diện tích đất đang có tranh là đất nông nghiệp, và trong "*Biên bản đấu thầu*" ngày 07-12-2000 đã nêu người trúng thầu chỉ được cấy lúa, thả cá, trồng cây thân mềm, nhưng trong quá trình sử dụng đất vợ chồng Ông D đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất không được sự cho phép của chính quyền địa phương, vì vậy cần buộc vợ chồng Ông D phải phá dỡ, di dời toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà trông coi, chuồng trại chăn nuôi, sân bê tông, kè bờ ao, cổng, tường bao và cây cối hoa màu trên đất. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy việc ông vợ chồng Ông D tự ý thay đổi mục đích sử dụng đất cũng một phần do lỗi của UBND xã H thiếu sát sao trong công tác quản lý đất đai thuộc thẩm quyền quản lý của mình, vợ chồng Ông D đã tự ý thay đổi mục đích sử dụng đất trong thời gian dài nhưng UBND xã H không có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời, vì vậy cần đặt trách nhiệm cho UBND xã H phải thanh toán cho vợ chồng Ông D trị giá khối lượng san lấp mà vợ chồng Ông D đã san lấp trên diện tích đất nêu trên là **64.499.700** đồng là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng: UBND xã H đã tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản, tuy nhiên UBND xã H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Vì yêu cầu khởi kiện của UBND xã H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 6, Điều 45 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 14, Điều 15 của Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính Phủ và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Xác định 817,8m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng vùng 1 thuộc Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình hiện đang do ông Nguyễn

Đình D và bà Nguyễn Thị P quản lý sử dụng là quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích thuộc quyền quản lý sử dụng của UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Buộc ông Nguyễn Đình D và bà Nguyễn Thị P phải trả cho UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyền sử dụng 817,8m^2 đất nông nghiệp nêu trên, các số đo cụ thể:

- Hướng Đông giáp đất trồng lúa dài 17,46m;
- Hướng Tây giáp đường giao thông nội đồng dài 18,10m;
- Hướng Nam giáp đất trồng lúa và đất ông Tứ đang quản lý dài 46,1m;
- Hướng Bắc giáp đường giao thông liên xã dài 46,61m.

4. Buộc Ông D và bà Phao phải có trách nhiệm phá dỡ, di dời toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất trên (Nhà trông coi, chuồng trại chăn nuôi, sân bê tông, kè bờ ao, cổng, tường bao và cây cối hoa màu trên đất).

5. Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Đình D và bà Nguyễn Thị P trị giá khối lượng san lấp trên diện tích 817,8m^2 đất nông nghiệp nêu trên là **64.499.700** đồng (Sáu mươi tư triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm đồng)

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đình D. Trả lại UBND xã H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí UBND xã H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà theo biên lai thu tiền số 0005292 ngày 04-12-2018.

7. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của UBND xã H chịu toàn bộ chi phí tố tụng mà UBND xã H đã tạm ứng chi phí.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Hà